

Thôn Kiên Mỹ (Bình Định) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ

PHAN PHƯƠNG THẢO

I. VÀI NÉT VỀ KIÊN MỸ VÀ SƯU TẬP ĐỊA BẠ KIÊN MỸ

Địa bạ là một nguồn tư liệu vô cùng phong phú để nghiên cứu về nông thôn Việt Nam trên nhiều phương diện.

Nhà Nguyễn sau khi bình định xong cả nước (1802) đã ý thức ngay được tầm quan trọng của việc lập địa bạ. Việc lập địa bạ các trấn thuộc Bắc Hà, tức vùng Đàng ngoài thuộc quyền cai trị của chúa Trịnh trước đây¹ về cơ bản được hoàn thành vào năm Gia Long 4 (1805). Đến năm Gia Long thứ 9 (1810) tiếp tục triển khai việc lập địa bạ ở các tỉnh từ Quảng Bình trở vào đến cực Nam Trung Bộ, và phải tới những năm cuối thời Minh Mệnh mới làm xong².

Bình Định là một tỉnh ở Trung Trung Bộ nước ta và là tỉnh duy nhất có địa bạ vào hai thời điểm khác nhau (1815 và 1839) trong vòng nửa đầu thế kỷ XIX trên qui mô toàn tỉnh. Kiên Mỹ là một trong 535 thôn thuộc trấn/tỉnh Bình Định có đủ địa bạ cả hai niên đại nêu trên. Hơn nữa, Kiên Mỹ là một thôn/ấp có nhiều điểm đặc biệt:

+ Kiên Mỹ là quê hương thứ ba của dòng họ Tây Sơn ở Đàng trong, sau quê hương khai hoang đầu tiên ở ấp Tây Sơn thuộc Tây Sơn thượng đạo và quê ngoại ở Phú Lạc thuộc Tây Sơn hạ đạo. Đó cũng chính là nơi sinh trưởng của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ.

+ Kiên Mỹ là ấp nằm giáp ranh giữa vùng đồng bằng và miền núi. Từ đây có thể lên vùng Tây Nguyên hay xuống vùng ven biển bằng cả đường thủy và bộ khá thuận tiện. Do vị trí và địa hình như vậy, nên Kiên Mỹ là ấp không chỉ thuần nông nghiệp, mà còn rất phát triển về nghề thủ công nghiệp và thương nghiệp.

Vì vậy, thông qua nguồn tư liệu chủ yếu là địa bạ thế kỷ XIX có kết hợp với các nguồn tư tịch cổ khác cùng kết quả điều tra điền dã, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu Kiên Mỹ nhằm làm nổi bật những biến đổi sở hữu ruộng đất ở đây dưới tác động của chính sách quân điền của Minh Mệnh năm 1839. Trên cơ sở đó có thể đưa ra những nhận xét khái quát hơn về bức tranh ruộng đất của cả tỉnh Bình Định sau quân điền năm 1839.

Theo đơn vị hành chính năm 1815, Kiên Mỹ bấy giờ thuộc phủ An Nhơn, trấn Bình Định. Địa bạ Kiên Mỹ lập năm 1815 mang ký hiệu DT1 F78 (đây là ký hiệu cũ từ khi lưu giữ tại Huế và Đà Lạt, nhưng đến nay vẫn được giữ nguyên). Đó là một tài liệu nguyên bản gồm 77 tờ, viết trên giấy khổ 20cm x 30 cm. Mỗi tờ thường có khoảng 8 dòng, mỗi dòng đầy đủ có trung bình 31 chữ.

Địa bạ Kiên Mỹ cũng như các địa bạ khác thời Gia Long và Minh Mệnh nói chung, được trình bày theo cùng khuôn mẫu giống nhau:

Trang đầu tiên của địa bạ ghi rất rõ đây là địa bạ ấp Kiên Mỹ, thuộc thôn Vĩnh An, thuộc Thời Hòa.

Trang tiếp theo miêu tả ranh giới của ấp Kiên Mỹ ở bốn phía đông, tây, nam và bắc.

Sau 2 trang giới thiệu chung về vị trí hành chính, vị trí địa lý của ấp, là những số liệu tổng quát về ruộng đất bao gồm tổng diện tích ruộng đất công và tư, trong đó có ruộng đất canh tác (thực trưng), ruộng đất

Phan Phương Thảo, TS. Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. *Đại Nam thực lục chính biên*, T III, Nxb Khoa học xã hội, H. 1963, tr. 161.

2. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, T IV, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 120.

bỏ hoang (lưu hoang). Trong từng loại tư điền, tư thổ cũng phân chia rất rõ ràng gồm loại thực trưng, lưu hoang và cụ thể trong từng loại ruộng hay đất đó thì chất lượng ra sao (thuộc loại 2, loại 3, ruộng vụ thu, vụ hè hay tư điền tổ nghiệp). Ngoài ra còn có các loại ruộng đất khác như quan điền, quan thổ viên, đất vườn có thuế, ao... mỗi loại đều ghi rõ diện tích.

Phần tiếp theo và cũng là phần chính của địa bạ, thường chiếm tới khoảng 90% tổng số trang địa bạ, miêu tả cụ thể từng thửa ruộng, rồi đến đất tư hữu với các thông tin: diện tích, vị trí, giáp giới bốn phía đông, nam, tây, bắc, họ tên người chủ sở hữu thửa ruộng đó, đồng thời ghi rõ người chủ sở hữu đó thuộc loại phân canh hay phụ canh. Nếu người chủ sở hữu là người bản xã thì thuộc loại phân canh, còn nếu chủ sở hữu đó không phải người bản xã thì được xếp vào loại phụ canh và có ghi chú rõ quê quán của những người phụ canh.

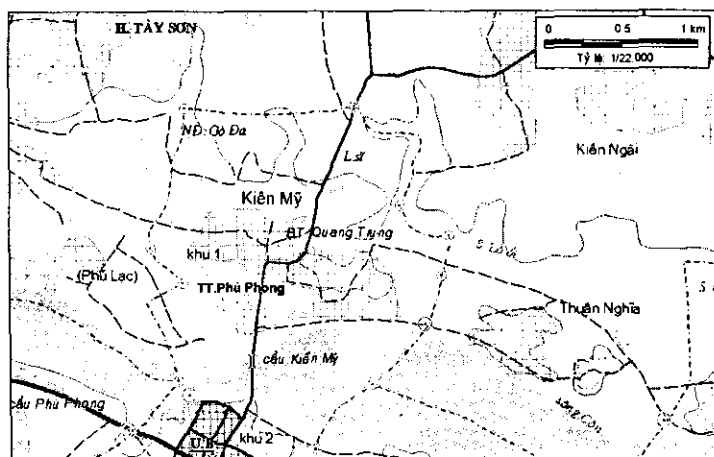
Trong địa bạ Kiên Mỹ sau phần miêu tả cụ thể các thửa ruộng, đất tư, còn cho chúng ta cả những thông tin cụ thể về quan điền và quan thổ viên: gồm có tổng diện tích, số thửa, diện tích từng thửa.

Phần cuối cùng của địa bạ là các thủ tục hành chính bao gồm sự xác nhận địa bạ có

bao nhiêu tờ như đã miêu tả trên, lời cam kết kê khai chính xác về diện tích cũng như các loại ruộng đất, và cuối cùng là ngày, tháng, năm lập địa bạ cùng điểm chỉ của các chức dịch cấp áp cho đến chữ ký và dấu triện của bộ Hộ.

Địa bạ Kiên Mỹ lập năm 1839 có ký hiệu DT1 H49, dày 104 tờ, viết trên giấy khổ 18cm x 28,5 cm, mỗi trang thường có 10 dòng, mỗi dòng đầy đủ có khoảng 30 chữ. Về cơ bản địa bạ lập năm 1839 có cấu trúc giống như địa bạ lập năm 1815, riêng trong lời mở đầu có nói rõ lý do làm lại địa bạ và nguyên tắc phân chia lại ruộng "... nay xin tuân lệnh cúi đầu làm lại sổ địa bạ theo đúng chỉ dụ: số tư điền hiện có lấy nửa làm công điền phân cấp cho binh dân, nửa còn lại cấp lại cho chủ cũ..."

Theo số liệu tính đến tháng 4-2002, thôn Kiên Mỹ thuộc thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, hiện có 4160 nhân khẩu, gồm 703 hộ, tổng diện tích đất đai là 411 ha, trong đó: 130 ha trồng lúa và màu (như mía, đậu nành, lạc, sắn, rau xanh ...), 121 ha đất kinh tế (bao gồm cả đất cũ và đất mới vỡ hoang) để trồng bạch đàn và đào, còn lại là đất làm nhà, vườn, sông, suối, đường giao thông³.



Bản đồ thôn Kiên Mỹ, khối I thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn

3. Số liệu do UBND huyện Tây Sơn cung cấp tháng 4 năm 2002.

**II. TÌNH HÌNH SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT
CỦA KIÊN MỸ QUA ĐỊA BẠ 1815**

1. Đặc điểm chung về sở hữu ruộng đất

Bức tranh toàn cảnh về các loại sở hữu ruộng đất ở Kiên Mỹ qua địa bạ Gia Long 14 (1815) được thể hiện qua bảng thống kê sau (xem bảng 1):

BẢNG 1: Phân bố các loại ruộng đất của Kiên Mỹ **

Số TT	Loại ruộng	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1	Thực trưng:	102.1.13.5.2.0	59,07
	- Tư điền:	82.3.10.5.4.0	47,60
	- Tư thổ:	19.8.02.9.8.0	11,47
2	Lưu hoang:	66.3.00.9.0.0	38,33
	- Tư điền:	66.1.00.9.0.0	38,23
	- Tư thổ:	0.2.00.0.0.0	0,10
3	Quan điền	4.5.00.0.0.0	2,60
4	Quan thổ viên	0.1.00.0.0.0	0,06
Tổng diện tích		172.9.14.4.2.0	100,00

- Trên tổng thể, đặc điểm nổi bật nhất là sở hữu tư nhân (bao gồm cả tư điền và tư thổ) lên tới 97,40% tổng diện tích ruộng đất, chiếm tuyệt đại đa số diện tích ruộng đất của cả ấp; nhưng trên thực tế, thực trưng chỉ có 59,07%, còn lại 38,33% là lưu hoang (so với tổng diện tích ruộng đất), tức là tư điền thổ bỏ hoang chiếm xấp xỉ 2/5 tổng diện tích tư điền thổ, mà trong đó chủ yếu phần bỏ hoang là thuộc vào điền chứ không phải thổ. Có lẽ sau nhiều năm chiến tranh kéo dài vào cuối thế kỷ XVIII, tình trạng ruộng bị bỏ hoang khá nặng nề, mà Kiên Mỹ cũng nằm trong bối cảnh chung đó, và cho đến đầu thế kỷ XIX (1815) nạn ruộng hoang đó vẫn chưa được khắc phục.

- Một đặc điểm đáng lưu ý trong sự phân bố ruộng đất của Kiên Mỹ năm 1815 là hầu như chỉ có tư điền, tư thổ, quan điền chỉ vắn vẹn có 4m 5s quan điền và 1 sào quan thổ viên, hoàn toàn không có công điền thổ, thậm chí kể cả công điền thổ cho nơi khác⁴. Theo tư liệu địa phương thì Kiên Mỹ được thành lập vào thế kỷ XVIII và gia đình Hồ Phi Phúc - cha của anh em Tây Sơn được coi là một trong những tiên hiền khai canh⁵.

Chính sách khẩn hoang lập làng của chúa Nguyễn quy định từ năm 1669, các gia đình nông dân được quyền chiếm ruộng đất khai phá làm ruộng đất tư (gọi là bản bức tư điền)⁶. Như vậy, Kiên Mỹ là một thôn ấp được thành lập trên cơ sở những gia đình nông dân khai hoang có ruộng đất tư. Còn số quan điền 4m 5s có thể là ruộng đất tư của các gia đình thủ lĩnh Tây Sơn bị triều Nguyễn tịch thu, mà theo tương truyền của nhân dân địa phương, riêng số ruộng đất của ba anh em Tây Sơn ở Kiên Mỹ bị tịch thu là 3m 2s.

4. Nguyễn Đình Đầu: *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn, Bình Định*, T I, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, tr. 505.

** Cách viết các số liệu về diện tích ruộng đất trong bài theo thứ tự : mẫu, sào, thước, tấc, phân, ly.

Thí dụ: 2.5.07.3.4.1 tức là 2 mẫu, 5 sào, 7 thước, 3 tấc, 4 phân, 1 ly.

5. *Tư liệu về Tây Sơn - Nguyễn Huệ*, T I: *Trên đất Nghĩa Bình*, Sở Văn hóa - Thông tin Nghĩa Bình xuất bản, Qui Nhơn, 1988, tr. 43.

6. *Đại Nam thực lục tiền biên*, T I, Nxb Sử học, H. 1962, tr. 112.

- Chất lượng ruộng cũng như thời vụ cày cấy cũng được ghi chép khá cụ thể trong địa bạ Kiên Mỹ như sau:

- 1.9.3.2.7.0 ruộng loại 2 (1,29%)
- 139.5.3.1.7.0 ruộng loại 3 (93,96%)
- 7.0.5.0.0.0 tư điền tổ nghiệp (4,75%)

Còn đất chủ yếu là đất bãi ven sông trồng dâu. Đây cũng là đặc điểm chung của vùng đất giáp ranh giữa đồng bằng và vùng núi, vùng ven sông ở đây.

Do cấu tạo của đất đai như vậy và do vị trí ven sông Côn thuận lợi về giao thông, Kiên

Mỹ xưa đã từng là một ấp nông nghiệp kết hợp chặt chẽ với nghề thủ công nghiệp và buôn bán. Ở Kiên Mỹ có những xóm nghề nổi tiếng một thời như xóm Bún, xóm Trầu, xóm Đậu, xóm Rèn, xóm Chợ, xóm ươm, xóm Mía, và có chợ Kiên Mỹ là một chợ lớn trong vùng với bến Trường Trầu là nơi buôn trầu nổi tiếng.

Có thể thấy rõ hơn đặc điểm sở hữu ruộng đất của Kiên Mỹ khi so sánh với sự phân bố các loại hình ruộng đất của cả trấn Bình Định cũng vào thời điểm năm Gia Long 14 (1815) (bảng 2)

BẢNG 2: Phân bố ruộng đất cả trấn Bình Định⁷

Số TT	Loại ruộng	Diện tích	Tỷ lệ(%)
1	Điền thổ thực canh:	74130.2.04.1.9.8.5.8	98,27
	- Điền:	71968.3.00.2.4.5.9.8	95,40
	. Tư điền	65515.5.00.7.9.0.1.8	86,85
	. Quan điền	1633.7.08.1.5.7.6	2,16
	. Công điền	4819.0.06.2.9.8.2	6,39
	- Thổ	2161.3.09.5.2.6.0.0	2,86
2	Điền thổ lưu hoang	49.4.00.0.0.0.0.0	0,06
3	Dân cư thổ	849.5.11.0.0.0.0.0	1,13
4	Các loại ruộng đất khác	404.2.02.5.8.8.0.0	0,54
Tổng diện tích ruộng đất:		75433.2.07.8.6.5.8	100,00

Từ bảng 1 và 2 chúng ta nhận thấy:

- So sánh với tỷ lệ ruộng tư trên qui mô cả nước cũng vào thời gian này là 82,9%⁸ thì rõ ràng tỷ lệ ruộng tư của Kiên Mỹ (85,88%) là có phần trội vượt hơn. Còn nếu so sánh với tỷ lệ ruộng tư của cả trấn Bình Định (86,85%) cùng thời điểm⁹ thì mức độ sở hữu tư nhân về ruộng ở Kiên Mỹ tuy có ít hơn (86,85 - 85,88 =) 0,97 %, nhưng không đáng kể.

- Tỷ lệ ruộng đất lưu hoang của Kiên Mỹ (38,33%) là quá lớn so với toàn trấn Bình Định (0,06%). Đặc thù này của Kiên Mỹ đã được giải thích ở phần trên (do hậu quả của chiến tranh).

- Toàn trấn Bình Định có 6,39% tổng diện tích ruộng đất là công điền, nhưng Kiên Mỹ thì hoàn toàn không có loại ruộng này. Kiên Mỹ là một trong 468/559 ấp của toàn trấn vào năm 1815 hoàn toàn không có công điền¹⁰.

- Xét riêng thổ thực canh, toàn trấn Bình Định chỉ có 2,86%, nhưng tỷ lệ loại đất

7. Nguyễn Đình Đầu: Sđd , T I, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, tr. 147

8. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang, Vũ Văn Quân, Phan Phương Thảo: *Địa bạ Hà Đông*, H. 1995, tr. 24

9. Nguyễn Đình Đầu: Sđd , T I, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, tr. 147

10. Nguyễn Đình Đầu: Sđd , T I, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, tr. 500.

này của ấp Kiên Mỹ lên tới 11,47%, gấp hơn 4 lần toàn tỉnh.

Rất tiếc là cho đến thời điểm này chưa có một nhà nghiên cứu nào thống kê chi tiết toàn bộ các số liệu địa bạ của các ấp thuộc trấn Bình Định¹¹ nên chỉ có thể so sánh được

địa bạ Kiên Mỹ với địa bạ toàn trấn trên một vài số liệu tổng quát như đã trình bày.

2. Quy mô sở hữu ruộng đất tư

Với quy mô sở hữu ruộng đất tư hữu lớn như ở Kiên Mỹ, chúng ta có thể đi sâu xem xét cụ thể mức độ phân bố ruộng đất của các chủ sở hữu.

BẢNG 3: Quy mô sở hữu ruộng tư của Kiên Mỹ

Quy mô sở hữu	Số chủ			Diện tích		
Dưới 1 mẫu	85	=	73,28%	22.2.05.4.0.0	=	27,22%
1 - 3 mẫu	28	=	24,14%	45.8.01.3.9.0	=	56,09%
3 - 5 mẫu	2	=	1,72%	8.1.03.5.0.0	=	9,95%
5 - 10 mẫu	1	=	0,86%	5.5.01.2.5.0	=	6,74%
Tổng cộng	116	=	100,00%	81.6.11.5.4.0	=	100,00%

Bảng 3 cho thấy:

- Tổng diện tích sở hữu (81.6.11.5.4.0) của 116 chủ ruộng tư ở Kiên Mỹ có chênh lệch một chút so với số liệu tổng quát ghi ở đầu địa bạ (82.3.10.5.4.0) có lẽ là do việc tính toán thủ công ngày xưa, và sai số là hơn 7 sào, chưa tới 1% (hoàn toàn cho phép).

- 97,42% chủ sở hữu nằm trong lớp thứ nhất và lớp thứ hai với mức độ sở hữu nhỏ hơn 3 mẫu ruộng - có thể coi thuộc loại nông dân tự canh, là đặc trưng của các chủ ruộng ở Kiên Mỹ. Đây cũng là đặc trưng chung của các chủ ruộng ở Bình Định cùng thời điểm¹².

- Đặc biệt, trong số những chủ tư điền thuộc loại tự canh lại có 85 chủ có mức sở hữu ruộng dưới 1 mẫu. Và vì vậy, mặc dù số lượng chủ ruộng này chiếm gần 3/4 (73,28%) tổng số, song tổng diện tích ruộng họ sở hữu thì lại quá nhỏ, chỉ hơn 1/4 (27,22%).

- Bên cạnh đa số những người nông dân tự canh, có sở hữu nhỏ thì ở Kiên Mỹ cũng tồn tại một số ít chủ ruộng có mức sở hữu tương đối lớn (2 người thuộc lớp sở hữu 3-5 mẫu và chỉ có 1 người có mức sở hữu 5 - 10 mẫu. Đó là các trường hợp:

Lê Thị Vạn: 4.1.00.0.0

Trần Thị Nậu: 4.0.03.5.0

Mạc Nhữ Đàm: 5.5.01.2.5

- Xét về giới tính, trong tổng số 116 chủ sở hữu trên có tới 42 người là nữ, chiếm 36,21%. Tuy nhiên, mức sở hữu bình quân của một chủ nữ (0.6.08.0.7.0), nhỏ hơn mức sở hữu trung bình toàn ấp (0.7.00.6.1.7).

- Số lượng chủ sở hữu là phụ canh ở Kiên Mỹ cũng không nhỏ (45 chủ = 38,7%), nhưng mức sở hữu trung bình của họ (0.4.13.6.6.0) thì nhỏ hơn hẳn mức trung bình toàn ấp (0.7.00.6.1.7).

3. Sở hữu ruộng đất theo dòng họ

Tên họ và diện tích ruộng đất của từng chủ sở hữu trong địa bạ là những thông tin rất quan trọng để nghiên cứu vấn đề dòng họ. Tuy nhiên, chỉ với những thông tin trong địa bạ thì chưa thể khẳng định những người mang tên giống nhau nhất thiết là cùng một dòng họ, thậm chí nếu thống kê tên gọi thứ

11. Mặc dù nhà sử học Nguyễn Đình Đầu đã cho xuất bản 3 tập sách về địa bạ Bình Định, nhưng chưa khai thác các số liệu về sở hữu từng thửa ruộng, nên chưa có những thống kê tỷ mỉ về số lượng chủ sở hữu tư điền thổ, số chủ là nữ; số người là phụ canh...

12. Phan Phương Thảo: *Chính sách quân điền năm 1839 ở Bình Định qua tư liệu địa bạ*, Nxb Thế giới, H. 2004

hai của dòng họ (thường gọi là đệm) cũng chưa thể khẳng định những người có cùng họ và đệm nhất thiết phải cùng một dòng họ. Ở đây chúng tôi đưa ra khái niệm "nhóm họ" để chỉ tập hợp những dòng họ có chung tên gọi đầu tiên, thí dụ nhóm họ Nguyễn, nhóm họ Trần... Như vậy, mỗi nhóm họ có thể bao gồm một hoặc một số dòng họ đích thực. Với qui ước như vậy, chúng tôi thống kê các chủ sở hữu theo nhóm họ, căn cứ vào chữ đầu tiên của tên họ, vì dù sao đó cũng là một trong những nguồn tư liệu cần thiết khi nghiên cứu các dòng họ ở Kiên Mỹ nói riêng, nông thôn Việt Nam nói chung. Những phân tích tổng hợp tình hình sở hữu theo các

nhóm họ có thể cung cấp một số ý niệm nào đó về mối quan hệ giữa các nhóm họ với vấn đề ruộng đất trên phạm vi Kiên Mỹ.

116 chủ sở hữu tư điền của Kiên Mỹ được phân bố theo các nhóm họ như trong bảng 5.

- Tính riêng chủ sở hữu ruộng trung bình mỗi nhóm họ sẽ (116 : 16) ≈ 7 người/nhóm họ, nhưng sự phân bố số người trong các nhóm họ là không đồng đều. Bên cạnh những nhóm họ rất đông như nhóm họ Nguyễn (44 người = 37,93%) hay nhóm họ Trần (27 người = 23,28%) thì lại có một số nhóm họ chỉ có duy nhất một chủ sở hữu như nhóm họ Bùi, Đào, Lý, Phạm, Quách, Vương.

BẢNG 5: Phân bố ruộng theo các nhóm họ

TT	Họ	Số chủ			DT sở hữu		
1	Bùi	1	=	0,86%	0.0.07.5.0.0	=	0,06%
2	Đào	1	=	0,86%	2.7.10.0.0.0	=	3,39%
3	Đặng	4	=	3,45%	1.6.11.4.0.0	=	2,05%
4	Giá	1	=	0,86%	0.6.00.0.0.0	=	0,73%
5	Hoàng	6	=	5,17%	2.9.12.0.0.0	=	3,65%
6	Hồ	3	=	2,59%	2.2.00.0.0.0	=	2,69%
7	Lê	7	=	6,03%	6.5.06.7.5.0	=	8,01%
8	Lý	1	=	0,86%	0.2.00.0.0.0	=	0,24%
9	Mạc	13	=	11,21%	14.6.05.4.4.0	=	17,92%
10	Nguyễn	44	=	37,93%	29.8.02.4.5.0	=	36,51%
11	Phan	3	=	2,59%	0.2.14.0.0.0	=	0,36%
12	Phạm	1	=	0,86%	0.0.07.5.0.0	=	0,06%
13	Quách	1	=	0,86%	1.0.00.0.0.0	=	1,22%
14	Trần	27	=	23,28%	17.3.02.0.0.0	=	21,20%
15	Trịnh	2	=	1,72%	1.0.07.5.0.0	=	1,29%
16	Vương	1	=	0,86%	0.5.00.0.0.0	=	0,61%
Tổng cộng		116	=	100,00%	81.6.11.5.4.0	=	100,00%

- Bên cạnh sự phân bố không đồng đều về số chủ trong mỗi nhóm họ thì mức độ sở hữu giữa các nhóm họ cũng không bằng nhau. Bên cạnh chủ sở hữu lớn nhất mang họ Đào có tới 2.7.10.0.0.0 thì chủ sở hữu nhỏ nhất mang họ Bùi chỉ có

0.0.07.5.0.0.

- Trong số 116 chủ ruộng tư có 3 người mang họ Hồ. Tuy nhiên, điều đó cũng chưa đủ căn cứ xác thực để khẳng định đó là con cháu của họ Hồ Tây Sơn trước và sau khi đổi thành họ Nguyễn.

4. Sở hữu ruộng đất của chức sắc

Hàng ngũ chức sắc không phải đều là những chủ sở hữu lớn trong ấp, thậm chí có người còn không hề có ruộng đất tư hữu như trường hợp ấp trưởng Nguyễn Văn Hiền và Tả bạ Nguyễn Văn Tùng. Bên cạnh đó, lại tồn tại Hương mục Mạc Nhữ Đàm là người có sở hữu tư lớn nhất toàn ấp (6.5.13.7.5.0). Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin lưu ý là chưa nghiên cứu và thống kê hết địa bạ các thôn/ấp xung quanh nên cũng chưa thể tính tới khả năng phụ canh của các chức sắc này, cũng như các chủ sở hữu Kiên Mỹ nói chung.

III. SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT CỦA KIÊN MỸ QUA ĐỊA BẠ NĂM 1839

Phép quân điền năm 1839 được coi là một

BẢNG 6: Phân bố các loại ruộng đất của Kiên Mỹ

TT	Loại ruộng	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1	Thực trưng:	109.7.06.0.2.0	63,11
	a. Công điền:	45.8.06.7.7.0	26,36
	b. Tư điền:	43.0.03.7.7.0	24,74
	c. Tư thổ:	20.7.10.4.8.0	11,91
	trong đó gồm phục trưng lưu hoang thổ	0.2.00.0.0.0	
2	Lưu hoang	64.1.00.9.0.0	36,89
Tổng diện tích:		173.8.06.9.2.0	100,00

Số liệu của bảng 6 cho thấy:

- Đến tận năm 1839, tức là sau khi các triều đại Nguyễn lên ngôi được 37 năm (1802 - 1839) nhưng diện tích ruộng đất bị bỏ hoang ở Kiên Mỹ vẫn còn chiếm tỷ lệ rất lớn (36,89%). Tuy nhiên, chúng ta cũng nhận thấy, dù còn rất ít, một số ruộng đất bỏ hoang đã được khôi phục:

+ Phục trưng lưu hoang điền: 2 mẫu

+ Phục trưng lưu hoang thổ: 2 sào

- Một điều đáng lưu ý là theo địa bạ 1839, Kiên Mỹ có tới 45.8.06.7.7.0 diện tích công điền, chiếm 26,36% tổng diện tích ruộng đất trong toàn thôn (chiếm 42% đất thực trưng, xem biểu đồ phân bố đất thực trưng ấp Kiên

Mỹ). Từ chỗ không hề có công điền năm 1815, đến năm 1839 loại ruộng đất này ra đời ở Kiên Mỹ trên cơ sở chuyển 4 mẫu 5 sào quan điền thành công điền, cùng 39m3s.06th7t.7p chiết cấp công điền từ tư điền và 2 mẫu phục trưng lưu hoang điền. Theo phép quân điền của Minh Mệnh, những thôn ấp nào ruộng tư nhiều hơn ruộng công thì cắt lấy một nửa sung làm ruộng công¹³. Kiên Mỹ

sự kiện độc đáo của Việt Nam trong suốt quá trình diễn biến chế độ sở hữu ruộng đất ở nước ta. Chủ trương quân điền này xuất phát từ tình hình ruộng đất của Bình Định và chỉ áp dụng duy nhất đối với Bình Định.

1. Đặc điểm chung về sở hữu ruộng đất

Các loại ruộng đất của Kiên Mỹ theo địa bạ năm Minh Mệnh 20 (1839) được phân bố như sau:

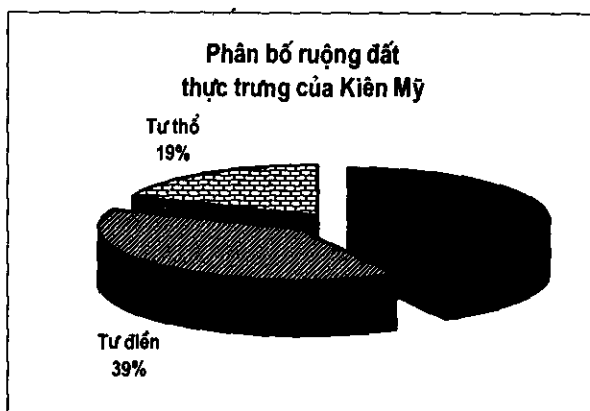
Mỹ). Từ chỗ không hề có công điền năm 1815, đến năm 1839 loại ruộng đất này ra đời ở Kiên Mỹ trên cơ sở chuyển 4 mẫu 5 sào quan điền thành công điền, cùng 39m3s.06th7t.7p chiết cấp công điền từ tư điền và 2 mẫu phục trưng lưu hoang điền. Theo phép quân điền của Minh Mệnh, những thôn ấp nào ruộng tư nhiều hơn ruộng công thì cắt lấy một nửa sung làm ruộng công¹³. Kiên Mỹ

13. Đại Nam thực lục chính biên, T XX, Nxb KHXH, H. 1968, tr. 149

* Bao gồm công điền cho nơi khác và công điền tam bảo, công điền tự điền, ương thổ tòng công điền cho nơi khác... Những loại công điền này có địa bạ tính vào tổng công tư điền thổ các hạng, có địa bạ không tính nên chúng tôi để nguyên phần ruộng này thuộc điền nói chung, nhưng không tính vào công điền sở tại.

cũng là một trong những thôn của Bình Định phải thực hiện phép quân điền. Vì vậy, từ chỗ có hơn 82 mẫu tư điền thực trưng năm 1815, Kiên Mỹ đã phải chiết cấp sang công điền mất hơn 39

mẫu, chỉ còn hơn 43 mẫu, chiếm xấp xỉ 50%. Như vậy, chính sách quân điền của Minh Mệnh đã được thực hiện ở Kiên Mỹ, một thôn thuộc vùng Tây Sơn hạ đạo xa xôi.



Trong khi đó, các loại ruộng đất của toàn tỉnh Bình Định cũng vào thời điểm năm 1839 phân bố như sau (bảng 7).

BẢNG 7: Phân bố ruộng đất toàn tỉnh Bình Định năm 1839¹⁴

TT	Loại ruộng đất	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1	Điền thổ thực canh:	76875.6.08.1.1.0.5.1.7	93,95
	• Điền:	74378.9.05.2.3.0.8.7.7	90,32
	- Tư điền:	34369.1.06.5.6.8.3.2.7	41,73
	- Công điền sở tại	37494.8.09.2.1.3.3.5.0	45,54
	- Công điền khác*	2514.9.04.4.4.9.2.0.0	3,05
	• Thổ:	2496.7.02.8.7.9.6.4.0	3,03
	- Công thổ	86.2.12.5.4.3.0.0.0	0,104
- Tư thổ:	2410.4.05.3.3.6.6.4.0	2,926	
2	Lưu hoang	7889.6.12.9.7.8.2.0	9,58
3	Dân cư thổ	898.2.07.7.0.0.0.0	
4	Các loại khác	239.7.11.5.6.0.0.0	
Tổng diện tích:		85903.3.10.3.4.8.7.1.7	100,00

*Bao gồm công điền cho nơi khác và công điền tam bảo, công điền tư điền, ương thổ tòng công điền cho nơi khác... Những loại công điền này có địa bạ tính vào tổng công tư điền thổ các hạng, có địa bạ không tính nên chúng tôi để nguyên phần ruộng này thuộc điền nói chung, nhưng không tính vào công điền sở tại.

Ghi chú: trong cột tỷ lệ, tất cả các giá trị đều tính tỷ lệ so với tổng diện tích ruộng đất.

Từ bảng 6 và 7 có thể rút ra một số nhận xét sau:

- Trong tương quan với toàn trấn Bình Định, Kiên Mỹ là một thôn cho đến năm 1839 có tỷ lệ ruộng đất lưu hoang quá cao: trong khi cả Bình Định diện tích này chỉ

chiếm 9,58% thì Kiên Mỹ lên tới 36,89%, gấp hơn 4 lần so với toàn tỉnh. Tỷ lệ ruộng đất lưu hoang ở Kiên Mỹ cao như vậy bởi vì

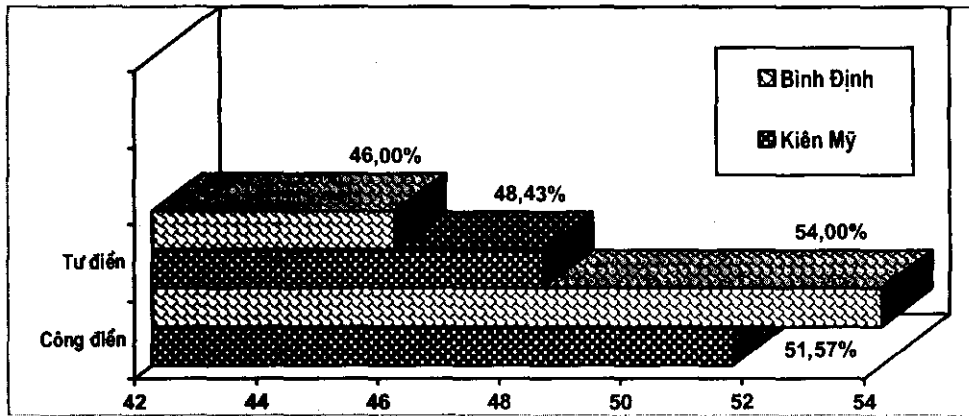
14. Nguyễn Đình Đầu: *Sdd*, T I, Nxb Tp. HCM, 1995, tr. 500 - 502.

ngoài lý do chung của cả trấn Bình Định nói riêng, Trung Kỳ nói chung, chịu ảnh hưởng của chiến tranh kéo dài cuối thế kỷ XVIII, nạn ruộng đất bỏ hoang khá nặng nề, và cho đến tận năm 1839 vẫn chưa khắc phục xong, còn có một lý do riêng của Kiên Mỹ là do đặc điểm địa hình. Kiên Mỹ là thôn nằm ở vùng giáp ranh với miền núi rừng và cao nguyên,

có rất nhiều gò, đồi bỏ hoang, không canh tác được. Có thể vì địa hình như vậy mà công việc khôi phục ruộng đất bỏ hoang lâu ngày gặp khó khăn và ít được quan tâm.

- Xét riêng về tỷ lệ giữa công và tư điền trong tương quan với tổng diện tích điền thì từ những số liệu của bảng 6 và 7, chúng tôi tính được tỷ lệ công-tư điền như biểu đồ sau:

Tỷ lệ công - tư điền



Như vậy, nhìn chung trên bình diện toàn tỉnh Bình Định hay xét riêng một thôn, cụ thể là Kiên Mỹ, rõ ràng chính sách quân điền của Minh Mệnh đã được thực hiện rất triệt để: từ chỗ không có công điền (Kiên Mỹ) hay tỷ lệ công điền rất nhỏ (toàn tỉnh Bình Định là 6,39%) vào năm

1815, đến năm 1839, tỷ lệ này đã tăng lên đáng kể, đều chiếm hơn 50% tổng diện tích điền.

2. Quy mô sở hữu ruộng tư

Từ những số liệu của địa bạ năm 1839, có được bảng thống kê sở hữu ruộng tư ở Kiên Mỹ như sau:

BẢNG 8: Quy mô sở hữu tư điền¹⁵

Quy mô sở hữu	Số chủ		Diện tích		
	Số	Tỷ lệ (%)	Diện tích	Tỷ lệ (%)	Tổng
Dưới 1 mẫu	133	92,36%	27.3.09.8.8.0	62,45%	43.8.03.2.3.0 100,00%
1 - 3 mẫu	11	7,64%	16.4.08.3.5.0	37,55%	
Tổng cộng	144	100,00%			

Từ bảng 8 có thể nhận thấy:

Chỉ số Mo về số chủ sở hữu rơi vào lớp thứ nhất (dưới 1 mẫu), chiếm tới 92,36%. Điều này chứng tỏ tầng lớp đại diện cho các chủ sở hữu tư điền ở Kiên Mỹ vẫn chỉ là những người nông dân tự canh, có trong tay số ruộng đất canh tác rất ít ỏi. Mặc dù chiếm tới 92,36% tổng số chủ, nhưng họ chỉ nắm giữ 27.3.09.8.8.0, chiếm 62,45% tổng

diện tích. Trong khi đó, với 11 chủ sở hữu còn lại (7,64%) đều thuộc lớp sở hữu thứ hai (từ 1 đến 3 mẫu), cũng chỉ là những người

15. Khi xét qui mô sở hữu ruộng tư, chúng tôi tổng hợp số liệu từ sở hữu riêng biệt của 144 chủ tư điền khai trong địa bạ. Vì vậy, có sự sai lệch về tổng diện tích tư điền này (43.8.3.2.3) lớn hơn một chút (0.7.14.4.6) so với số liệu khai tổng quát ở đầu địa bạ (43.0.3.7.7).

nông dân ở mức sở hữu trung bình và có 16.4.0.3.5.0, chiếm 37,55% tổng diện tích. Như vậy, nếu nhìn vào tình trạng sở hữu tư điền của Kiên Mỹ thì mức bình quân của mỗi một chủ chỉ là 0.3.00.6.4.7, và không có ai sở hữu lớn hơn 3 mẫu tư điền.

Cũng vẫn trong 144 chủ sở hữu trên, chúng tôi thống kê thấy có 101 người là phân canh (70,14%); còn lại 43 người (29,86%) là phụ canh. Mức độ sở hữu bình quân của các chủ phụ canh (0.2.11.0.3.4) nhỏ hơn một chút so với mức sở hữu trung bình của toàn bộ chủ tư điền (0.3.00.6.4.7).

BẢNG 9: Phân bố ruộng của các nhóm họ

TT	Họ	TS chủ			DT sở hữu		
1	Bùi	2	=	1,39%	0.1.13.7.5.0	=	0,44%
2	Dương	3	=	2,08%	0.2.06.0.0.0	=	0,55%
3	Đặng	3	=	2,08%	0.2.13.0.2.5	=	0,65%
4	Đoàn	2	=	1,39%	1.0.06.5.0.0	=	2,38%
5	Đỗ	1	=	0,69%	0.0.02.5.0.0	=	0,04%
6	Hà	1	=	0,69%	1.3.01.7.5.0	=	2,99%
7	Hoàng	6	=	4,17%	1.6.03.8.8.0	=	3,71%
8	Hồ	2	=	1,39%	1.1.07.5.0.0	=	2,62%
9	Lê	3	=	2,08%	0.1.05.2.5.0	=	0,31%
10	Lý	3	=	2,08%	0.2.07.5.0.0	=	0,57%
11	Mạc	9	=	6,25%	3.8.01.6.7.5	=	8,70%
12	Nguyễn	64	=	44,44%	17.9.14.3.0.0	=	41,07%
13	Phan	3	=	2,08%	0.2.02.3.0.0	=	0,49%
14	Phạm	3	=	2,08%	0.6.08.7.5.0	=	1,50%
15	Quách	1	=	0,69%	0.3.06.4.0.0	=	0,78%
16	Trần	35	=	24,31%	13.6.10.9.0.0	=	31,20%
17	Trịnh	3	=	2,08%	0.8.11.2.5.0	=	2,00%
Tổng cộng:		144	=	100,00%	43.8.03.2.3.0	=	100,00%

Chúng tôi có thống kê về mặt giới tính đối với 144 chủ sở hữu nói trên. Số chủ nhân nữ đứng danh sở hữu ruộng ở Kiên Mỹ không phải ít (45 người = 31,25%) nhưng chỉ sở hữu có 7.4.09.2.3 (17,03%), và vì vậy mức độ sở hữu trung bình của họ thấp hơn hẳn so với mức trung bình của các chủ sở hữu ruộng trong toàn thôn.

3. Sở hữu ruộng đất theo dòng họ

Tương tự như đối với địa bạ lập năm 1815, từ những số liệu riêng lẻ về sở hữu ruộng đất tư của từng chủ sở hữu, chúng tôi đã tổng hợp lại thành sở hữu của các nhóm họ trong thôn.

- 144 chủ sở hữu về tư điền được chia thành 17 nhóm họ, nhưng phân bố số người giữa các nhóm họ không đồng đều: chỉ số trung bình là (144 : 17) ≈ 8,5 người /nhóm họ. Tuy nhiên, trên thực tế chỉ có 3 nhóm họ (Nguyễn, Trần, Mạc) là có số

người lớn hơn mức trung bình đó, và thậm chí riêng số người mang họ Nguyễn đã chiếm non nửa tổng số chủ tư điền (64 người = 44,44%). Bên cạnh đó, có một số nhóm họ chỉ có duy nhất một người (Đỗ, Hà, Quách).

- Nếu xét về mức sở hữu trung bình của mỗi chủ trong từng nhóm họ thì trên thực tế không phải cứ nhóm họ đông người là có mức sở hữu lớn. Tính ra trong 17 nhóm họ trên thì nhóm họ Hà có mức sở hữu bình quân lớn nhất (1.3.01.7.5.0/1 chủ), trong khi đó nhóm họ Đỗ lại có mức sở hữu trung bình nhỏ nhất, chỉ có 0.0.02.5.0.0/1 chủ.

- Hệ số tương quan hạng giữa số lượng chủ trong mỗi nhóm họ và số lượng ruộng mà các nhóm họ đó sở hữu tính được $\phi = 0,344$ ¹⁶. Điều này chứng tỏ số lượng chủ và diện tích ruộng mà họ sở hữu trong các nhóm họ hầu như không có mối tương quan.

- Nhìn chung, sau chính sách quân điền, do một phần đáng kể tư điền bị chiết cấp sang làm công điền, nên mức độ sở hữu chung của các nhóm họ cũng như mức độ sở hữu riêng của từng nhóm họ, thậm chí từng chủ sở hữu đều giảm đi đáng kể.

4. Sở hữu ruộng đất của chức sắc

Một điều khá thú vị là khi xem xét cụ thể về sở hữu của các chức sắc trong thôn thì có một người không hề có ruộng đất tư hữu (Nguyễn Văn Quang), 3 người còn lại đều không phải là những người có nhiều ruộng đất nhất trong làng:

- Mạc Nhữ Hối: 0.0.1.8.7.5 (1 thửa)
- Nguyễn Văn Viên: 0.3.14.2.5.0 (5 thửa)
- Trần Văn Tĩnh: 2.3.11.0.0.0 (10 thửa)

IV. VÀI NHẬN XÉT

1. Về cơ cấu sở hữu các loại ruộng đất

Tính từ năm 1815 đến năm 1839, tức là sau 24 năm, tổng diện tích ruộng đất của Kiên Mỹ tăng lên không đáng kể (173.8.06.9.2.0 - 172. 9.14.4.2 =>) 7 sào 5 thước. Phần thực trưng cũng có tăng thêm (109.7.06.0.2.0 - 102.1.13.5.2.0) 7.5.07.5.0. Bên cạnh đó, ruộng đất lưu hoang đã giảm một chút do được phục trưng lưu hoang gồm điền 2 mẫu và thổ 2 sào. Như vậy, đến năm 1839, mặc dù có những khôi phục sau chiến tranh, song tình trạng ruộng đất bị bỏ hoang ở Kiên Mỹ vẫn chiếm một tỷ lệ không nhỏ (36,89%).

Đặc điểm nổi bật trong phân bố ruộng đất của Kiên Mỹ giữa hai thời điểm là từ chỗ

không hề có công điền (năm 1815) thì đến năm 1839, sau chính sách quân điền của Minh Mệnh, loại ruộng này đã xuất hiện do chiết cấp một phần từ tư điền sang (39.3.06.7.7.0), phần còn lại là chuyển từ quan điền (4 mẫu 5 sào) và quan thổ viên (1 sào). 100% diện tích công điền do bản thôn đồng quân cấp. Có thể nói, chính sách quân điền của Minh Mệnh được thực hiện triệt để ở Kiên Mỹ - một thôn ở vùng Tây Sơn hạ đạo xa xôi. Thậm chí, sau chính sách quân điền, tỷ lệ công điền của Kiên Mỹ còn lớn hơn so với tư điền.

2. Về sở hữu ruộng đất tư

Sau chính sách quân điền, một phần tư điền đã bị chiết cấp làm công điền nên tổng diện tích tư điền thực trưng đã giảm đi đáng kể (82.3.10.5.4.0 - 43.0.03.7.7.0 =>) 39.2.06.7.7.0. Trong khi đó, số chủ sở hữu lại tăng thêm (144 - 116) 28 người, và do vậy, mức độ sở hữu trung bình của mỗi chủ đều giảm đi.

Năm 1839, tổng số chủ tư điền tăng lên so với năm 1815, nhưng sự gia tăng đó không phân bố đồng đều vào các lớp, mà thực tế chỉ tập trung vào lớp sở hữu nhỏ nhất (dưới 1 mẫu), còn số chủ ở các lớp còn lại không những không tăng mà còn giảm đi, thậm chí ở lớp thứ tư - sở hữu từ 5 đến 10 mẫu không có ai. Một lần nữa, điều này càng chứng tỏ tính triệt để của chính sách quân điền trong việc phân cấp lại ruộng đất, kể cả mức độ tư hữu của từng chủ đều không được quá 5 mẫu: "... phạm ruộng tư định hạn cho 5 mẫu..."

Hiện tượng phụ nữ đứng tên chủ sở hữu ruộng đất xuất hiện trong cả hai địa bạ của Kiên Mỹ. Đối với các chủ sở hữu này, từ địa bạ Gia Long 14 sang địa bạ Minh Mệnh 20, xét về số người có tăng thêm (45 - 42 =>) 3 người, song nếu nhìn trên tỷ lệ so với tổng số chủ sở hữu từng thời điểm tương ứng thì thực chất là không hề tăng (năm Gia Long 42 chủ = 36,21%; năm Minh Mệnh 45 chủ = 31,25%),

16. Công thức tính hệ số tương quan hạng $\phi = 1 - 6.S$
 $d_1^2 / n(n^2 - 1)$.

thậm chí còn giảm đi đôi chút. Song điều đáng nói ở đây là diện tích ruộng đất sở hữu của họ thì giảm đi đáng kể: từ 27.4.08.9.4.0 xuống chỉ còn 7.4.09.2.3. Sự suy giảm này không chỉ nằm trong sự suy giảm chung của cả thôn vì đã chiết cấp một phần ruộng tư cho công điền, mà xét cụ thể về tỷ lệ tương ứng giữa số lượng chủ với diện tích ruộng sở hữu thì cũng nhỏ hơn so với tỷ lệ này trong địa bạ Gia Long.

Sau 24 năm (từ 1815 đến 1839), mặc dù tổng số chủ ruộng tư nói chung tăng 28 người, song điều đặc biệt là riêng các chủ phụ canh thì lại giảm đi (45 - 43 =) 2 người, nên tỷ lệ chủ phụ canh trong toàn thôn giảm đi đáng kể (từ 38,7% xuống còn 29,86%). Một mặt, số lượng cũng như tỷ lệ phụ canh/tổng số chủ sở hữu là giảm đi, mặt khác, tỷ lệ diện tích ruộng họ sở hữu trong tương quan với toàn thôn thì hầu như không thay đổi (27,04% xuống còn 26,83%) cho nên mức sở hữu trung bình của các chủ phụ canh trong địa bạ Minh Mệnh (0.2.11.0.3.4) đã gần bằng sở hữu chung trong toàn thôn (0.3.00.7.0.3) chứ không có sự chênh lệch nhiều như trong địa bạ Gia Long (0.7.00.6.1.7 và 0.4.13.6.6.0). Hình thức "phụ canh" được phản ánh trong cả hai địa bạ của Kiên Mỹ không phải là hiện tượng đặc biệt của riêng địa phương này, hay của toàn tỉnh Bình Định, mà trái lại đây là hiện tượng phổ biến ở Việt Nam đầu thế kỷ XIX. Trên thực tế, người ta có thể mua ruộng đất ở thôn khác, và ngược lại, bán ruộng đất cho người nơi khác. Xem xét cụ thể quê quán của các chủ phụ canh ở Kiên Mỹ trong cả hai địa bạ, chúng tôi thấy họ phần lớn đều thuộc các thôn lân cận của Kiên Mỹ.

3. Về sở hữu ruộng đất theo nhóm họ

So sánh bảng 5 và bảng 9 cho thấy, nếu xét về số chủ và số nhóm họ thì đều có chiều hướng gia tăng từ năm 1815 đến năm 1839: thêm 28 chủ sở hữu và thêm 1 nhóm họ, song nếu tính một cách tỷ mỉ thì số lượng chủ tăng nhanh hơn so với số nhóm họ, hay nói cách khác, bình quân số chủ trong mỗi nhóm họ năm Gia Long (116 : 16 ≈) 7 người nhỏ hơn so với năm Minh Mệnh 20 (144 : 17 ≈) 8 người.

So với năm 1815, đến năm 1839 ở Kiên Mỹ xuất hiện thêm 4 nhóm họ mới là họ Dương,

Đoàn, Đỗ và Hà, nhưng lại mất đi 3 nhóm họ Đào, Giá và Vương. Hơn nữa, số người trong mỗi họ cũng tăng/giảm khác nhau. Chúng tôi thử tính toán hệ số tương quan giữa số người trong các dòng họ qua hai thời điểm 1815 và 1839 thì thấy hệ số này $\varphi \approx 0,7$. Điều này chứng tỏ sự tăng/giảm số người trong mỗi dòng họ qua hai thời điểm trên là mối tương quan thuận và tương đối chặt chẽ. Mặt khác, tổng diện tích ruộng đất sở hữu cũng như sở hữu riêng của mỗi nhóm họ, mỗi chủ đều giảm đi từ năm 1815 qua năm 1839, bởi một phần tư điền bị chiết cấp làm công điền theo chính sách quân điền, trong khi đó tổng số chủ sở hữu và số nhóm họ đều tăng lên như đã phân tích. Ở đây, vấn đề đặt ra là liệu những suy giảm mức độ sở hữu nói chung của các nhóm họ có theo một xu hướng nào không? Kiểm tra hệ số tương quan giữa tỷ lệ ruộng sở hữu của các nhóm họ qua hai thời điểm trên thì chúng tôi thu được $\varphi \approx 0,51$. Điều này chứng tỏ sự giảm/tăng sở hữu các nhóm họ tại hai thời điểm 1815 và 1839 hầu như không có mối tương quan nào cả.

4. Về sở hữu ruộng đất của các chức sắc

Trong đời sống làng xã Việt Nam thời phong kiến, đội ngũ chức sắc thường đóng vai trò rất quan trọng. Nhưng qua tư liệu địa bạ Kiên Mỹ cả hai thời điểm 1815 và 1839, chính quyền ấp/thôn ở đây nửa đầu thế kỷ XIX không phải đều nằm trong tay những người giàu có nhất. Ở địa bạ Gia Long 14, 40% số chức sắc của ấp là những người không hề có ruộng đất tư (với giả định họ không có đất phụ canh ở thôn khác), còn trong địa bạ Minh Mệnh 20, tỷ lệ này cũng không nhỏ (25%). Đây không phải là hiện tượng đặc biệt của riêng Kiên Mỹ, mà trái lại, đó là hiện tượng khá phổ biến trong các làng xã Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX¹⁷. Như vậy, có thể nói, tài sản ruộng đất không phải là một tiêu chí quan trọng trong việc lựa chọn vào bộ máy chính quyền cấp làng xã ở Việt Nam đầu thế kỷ XIX./.

17. Địa bạ Hà Đông, sdd, tr. 34.